

# Vài nét về tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) và suy nghĩ về định hướng phát triển ngành KTTV 5 năm (1991 – 1995)

HUỶNH VĂN ANH

Vụ trưởng Vụ Kế hoạch-Tài vụ

K.S NGUYỄN THỊ BÉ

Vụ KHTV

Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã có những nghị quyết quan trọng nhằm từng bước đưa sự nghiệp cách mạng vượt qua khó khăn, đi lên theo con đường xã hội chủ nghĩa. Qua 4 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và kế hoạch 5 năm (1986 – 1990), tình hình kinh tế – xã hội nói chung và hoạt động trong Ngành KTTV nói riêng đã có nhiều ưu điểm và có những thiếu sót, yếu kém nhất định. Tình hình đó cần được tổng kết một cách đầy đủ, rút ra những bài học bổ ích, đồng thời tiến hành nghiên cứu xây dựng phương hướng, mục tiêu và nhiệm vụ của thời kỳ kế hoạch 5 năm 1991 – 1995.

Trong bài này, xin nêu tóm tắt một số nét lớn về tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) và suy nghĩ về định hướng phát triển Ngành KTTV 5 năm (1991 – 1995).

## I – TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 5 NĂM (1991 – 1990)

Phương hướng chung của Tổng cục KTTV trong kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) đã được xác định là « nâng cao một bước rõ rệt chất lượng điều tra cơ bản, đảm bảo phục vụ có hiệu quả việc thực hiện các mục tiêu kinh tế – xã hội, chú trọng phòng chống thiên tai, phục vụ sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là sản xuất lương thực – thực phẩm, năng lượng, giao thông vận tải, các hoạt động trên biển, xây dựng cơ bản và quốc phòng. Đồng thời, hiện đại hóa một bước cơ sở vật chất – kỹ thuật và công tác KTTV, đổi mới cơ chế quản lý của Ngành ».

Bên cạnh những thuận lợi lớn do những kết quả bước đầu của công cuộc đổi mới của đất nước đem lại, được Nhà nước quan tâm hơn về đầu tư vào hai năm 1989, 1990, việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 – 1990) của Tổng cục KTTV cũng gặp không ít khó khăn như: nền kinh tế của đất nước chưa ổn định và mất cân đối nặng, mức đầu tư của Nhà nước cho Ngành còn quá thấp so với nhiệm vụ được giao cộng với những khó khăn

vốn có của Ngành (mạng lưới trạm điều tra cơ bản bị xuống cấp trầm trọng, cơ sở vật chất - kỹ thuật của Ngành quá nghèo nàn, việc tổ chức thực hiện có nơi có lúc còn thiếu tập trung, kém hiệu quả,...).

Trong hoàn cảnh đó, việc thực hiện kế hoạch 5 năm (1986 - 1990) của Tổng cục KTTV có thể tóm tắt như sau:

1. Trong công tác điều tra cơ bản đã ưu tiên đầu tư xây dựng, củng cố mạng lưới trạm KTTV và các đoàn, đội khảo sát, nâng dần chất lượng điều tra cơ bản vào những năm cuối, nhưng dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản vẫn chưa đạt yêu cầu do cơ sở vật chất của lưới trạm quá xuống cấp, đặc biệt là về máy đo.

2. Công tác phục vụ KTTV có tiến bộ hơn 5 năm trước.

a) Nhờ thực hiện được một bước đầu tư lớn thông qua việc thực hiện dự án PNUD VIE 80/051, 5 năm (1986 - 1990) là thời kỳ công tác dự báo KTTV chuyển sang một bước ngoặt mới - thời kỳ áp dụng tiến bộ kỹ thuật để nâng cao chất lượng và tăng cường khả năng phục vụ dự báo KTTV.

Tuy nhiên, do các điều kiện khách quan và chủ quan 5 năm qua, công tác dự báo và thông tin KTTV cũng còn một số tồn tại, đáng kể là:

- Không thực hiện đạt chỉ tiêu « phát báo quốc tế ».

- Dự báo không chính xác, không kịp thời 2 cơn bão số 2 và số 6 năm 1989.

- Chưa tổ chức được « mạng thông tin tối ưu ».

b) Công tác phục vụ chuyên ngành, chuyên đề thông qua hợp đồng kinh tế và hợp đồng trách nhiệm với các nội dung: điều tra khảo sát, cung cấp số liệu, dự báo và nghiên cứu khoa học ứng dụng được phát triển và mở rộng trong nhiều đơn vị trực thuộc Tổng cục, nhưng chưa đi sâu cải tiến nội dung, hình thức phục vụ và mở rộng đối tượng sử dụng sản phẩm KTTV.

3. Công tác nghiên cứu khoa học và áp dụng kỹ thuật tiến bộ được định hướng và tập trung hơn

a) Công tác nghiên cứu khoa học 5 năm (1986 - 1990) có tiến bộ rõ rệt trong việc định hướng nghiên cứu, điều hành chặt chẽ, đúng tiến độ, đặc biệt đã hoàn thành xuất sắc Chương trình tiến bộ khoa học - kỹ thuật cấp Nhà nước 42A, 4 đề tài thuộc các Chương trình khác và thực hiện trên 40 đề tài cấp Ngành.

Tồn tại của công tác này là khả năng phục vụ trực tiếp và việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào thực tế còn chậm.

b) Về tiến bộ kỹ thuật, tập trung vào lắp đặt và khai thác các thiết bị kỹ thuật hiện đại do các dự án quốc tế và nước ngoài trang bị như: hệ thống tin máy, tính hóa, máy thu ảnh mây vệ tinh, ra-đa,... Nhưng việc đào tạo cán bộ khai thác và sử dụng thiết bị mới còn chậm so với yêu cầu (trừ dự án PNUD).

3. Công tác xây dựng và ban hành tiêu chuẩn thực hiện rất chậm do thiếu cán bộ chuyên trách và thiếu kinh phí.

Công tác chất lượng, đo lường ít có tiến bộ so với 5 năm trước.

4. Công tác xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật tập trung ưu tiên xây dựng, củng cố mạng lưới trạm KTTV, một số công trình đề tiếp nhận thiết bị và kỹ thuật của các dự án quốc tế, đồng thời quan tâm đầu tư xây dựng các công trình ở T.U để cải tạo điều kiện làm việc và sinh hoạt cho CBCNV, nhưng do giá cả biến động, do việc tổ chức thực hiện chưa tốt nên khối lượng xây dựng vẫn không đạt yêu cầu.

5. Công tác hợp tác quốc tế được mở rộng và đạt kết quả tốt.

a) Hợp tác với Liên-xô được duy trì và mở rộng sang hai lĩnh vực KTTV biên và môi trường. Thông qua hợp tác Việt-Xô, Tổng cục KTTV đã nhận được một số thiết bị hiện đại, tổ chức các chuyến bay thăm sát bão và khảo sát biên định kỳ nhưng do thiếu kinh phí nên đã gây mất cân đối cho ngân sách của Ngành và việc tổ chức khai thác, sử dụng các thiết bị của Liên-xô trang bị chưa đạt hiệu quả kinh tế - kỹ thuật cao.

b) Hợp tác với Lào và Cam-pu-chia đúng kế hoạch nhưng cần được mở rộng nội dung và khả năng hợp tác mới.

c) Hợp tác với Ủy ban sông Mê-công phát triển và đạt hiệu quả tốt hơn 5 năm trước.

d) Thực hiện tốt nghĩa vụ thành viên của Tổ chức Khí tượng thế giới và tranh thủ khai thác nguồn tài trợ của Tổ chức này.

đ) Hợp tác với các nước khác và các tổ chức KTTV khu vực được đẩy mạnh, mở ra nhiều triển vọng mới.

6. Công tác tổ chức cán bộ tập trung vào việc xây dựng và kiện toàn bộ máy tổ chức, cơ chế quản lý của Tổng cục, xây dựng và triển khai một số chế độ chính sách khuyến khích lao động trong Ngành KTTV nhưng chưa thực hiện được chỉ tiêu đào tạo lại đối với cán bộ, quan trắc viên trong Tổng cục.

7. Công tác kế hoạch hóa đã có những cố gắng nhất định trong việc nghiên cứu đổi mới cách giao kế hoạch cho cơ sở, cải tiến chỉ tiêu kế hoạch và áp dụng phương pháp kế hoạch hóa mới nhưng những chuyển biến trong công tác kế hoạch hóa còn chậm, nội dung và phương pháp kế hoạch chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới, chất lượng kế hoạch còn thấp.

8. Công tác đời sống được quan tâm hơn và trở thành một nhiệm vụ quan trọng và thường xuyên của mỗi đơn vị trong Ngành - đây là một điểm nổi bật trong việc tổ chức hoạt động trong Ngành KTTV 5 năm (1986 - 1990).

## II - SUY NGHĨ VỀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN NGÀNH KTTV 5 NĂM (1991 - 1995)

Trong 5 năm (1991 - 1995), Ngành KTTV phấn đấu củng cố đồng bộ mạng lưới trạm KTTV, đảm bảo dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản, đẩy mạnh công tác khí hậu và môi trường, phục vụ có hiệu quả việc xây dựng

và thực hiện chiến lược kinh tế-xã hội do Đảng và Nhà nước vạch ra, tăng cường phục vụ các ngành kinh tế, quốc phòng và đời sống nhân dân, đặc biệt là tham gia tích cực thập kỷ giảm nhẹ thiên tai, phục vụ sản xuất lương thực thực phẩm, năng lượng, giao thông vận tải, xây dựng và bảo vệ môi trường... Mở rộng hợp tác quốc tế, tích cực tham gia việc điều tra, nghiên cứu và chiến lược đáp ứng đối với biến đổi khí hậu, tiếp thu và tổ chức khai thác tốt các thiết bị hiện đại, các kỹ thuật tiên bộ. Đẩy mạnh thêm một bước việc đổi mới cơ chế tổ chức và chiến lược con người trong Ngành KTTV».

Các hướng phát triển chủ yếu trong 5 năm tới:

1. Củng cố cơ sở vật chất-kỹ thuật của lưới trạm KTTV, khắc phục sự xuống cấp của mạng lưới trạm để đảm bảo dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản, đáp ứng yêu cầu số liệu cao công tác nghiên cứu, phục vụ kinh tế quốc dân và trao đổi quốc tế.

Tiếp tục thực hiện và kết thúc chương trình mục tiêu «Đảm bảo dung lượng và chất lượng điều tra cơ bản KTTV».

2. Tăng cường hoạt động phục vụ của Ngành nhằm mở rộng và nâng cao hiệu quả sử dụng thông tin KTTV trong các hoạt động kinh tế-xã hội, đặc biệt là phục vụ chương trình giảm nhẹ thiên tai trong thập kỷ này; phát triển và mở rộng các dịch vụ khoa học-kỹ thuật KTTV.

Xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình phục vụ KTTV.

3. Tiến hành các chương trình nghiên cứu cấp Nhà nước về đợt 2 của chương trình 42A, về «phòng chống thiên tai», về «bộ chứa Hòa Bình», về «biến đổi khí hậu và môi trường» và 5 chương trình cấp Ngành nhằm phục vụ ba chương trình kinh tế lớn của Nhà nước, phục vụ phòng chống thiên tai, sử dụng hợp lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Áp dụng các chương trình tiên bộ kỹ thuật nhằm tăng cường năng lực cho dự báo bão, lũ, điều tra cơ bản KTTV biển, cho quản lý và kiểm soát môi trường và nghiên cứu thực nghiệm của Viện KTTV.

Tập trung xây dựng các tiêu chuẩn cấp nhà nước thuộc 5 nhóm: môi trường không khí, môi trường nước, môi trường biển, dự báo bão và dự báo lũ

Xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn ngành khác.

Đưa nhanh kết quả nghiên cứu KTTV vào phục vụ sản xuất, quốc phòng và đời sống.

4. Phát triển hơn nữa công tác hợp tác quốc tế.

a) Tiếp tục hợp tác với Liên-xô trên các lĩnh vực: nghiên cứu khoa học, trang bị kỹ thuật và đào tạo.

b) Đổi mới và hợp tác đa dạng hơn với Lào và Cam-pu-chia.

c) Tranh thủ khai thác nguồn tài trợ thông qua các dự án hợp tác và hợp đồng kinh tế với các tổ chức quốc tế. Phát triển hợp tác song phương với các nước trong khu vực và các nước có nhiều quan hệ.

5. Xây dựng, củng cố mạng lưới trạm KTTV, đảm bảo đến hết kỳ kế hoạch, mạng lưới trạm được cơ bản kiện toàn. Hiện đại hóa một số trạm KTTV để có kinh nghiệm đổi mới trang thiết bị ở mức độ rộng hơn vào các năm sau. Tập trung xây dựng các công trình để tiếp nhận các dự án hợp tác quốc tế, các công trình phục vụ trực tiếp đời sống CBCNV.

Xây dựng trung tâm kiểm định và máy chuẩn mẫu để đảm bảo công tác đo lường.

Trang bị cơ sở vật chất - kỹ thuật hợp lý cho công tác lưu trữ, xử lý số liệu và thông tin khoa học - kỹ thuật trong Ngành.

Xây dựng, củng cố mạng lưới thông tin chuyên dùng đảm bảo cho công tác dự báo phục vụ,

6. Đảm bảo có đầy đủ và đúng chất lượng các dụng cụ và thiết bị cho các hệ thống quan trắc, truyền thông, xử lý và khai thác số liệu. Đưa các phương tiện hiện đại vào các lĩnh vực công tác của Ngành và tổ chức khai thác có hiệu quả các phương tiện này.

Mở rộng khả năng và nâng cao chất lượng sửa chữa, phục hồi máy móc, thiết bị và sản xuất máy, thiết bị đơn giản trong nước.

Nâng mức khai thác, sử dụng máy tính điện tử trong Ngành và đẩy mạnh việc ứng dụng tin học trong công tác của Ngành.

7. Nghiên cứu hoàn chỉnh một bước bộ máy tổ chức, quản lý của Ngành từ T.U đến địa phương, giảm đầu mối, giảm biên chế làm cho bộ máy Ngành KTTV gọn nhẹ, có hiệu lực, đặc biệt là khâu điều tra cơ bản, cung ứng vật tư thiết bị, phục vụ các ngành kinh tế và quốc phòng. Đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ trình độ đảm bảo cho các hoạt động của Ngành, chú ý đào tạo cán bộ đầu đàn cho các bộ môn và cán bộ quản lý cốt cán, đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế của đất nước.

Thực hiện dự án chống xuống cấp ở hai trường cán bộ KTTV của Ngành, xây dựng lại chương trình đào tạo phù hợp hơn.

Xây dựng hệ thống tiền lương, tiền thưởng và các chế độ, chính sách phù hợp với đặc điểm lao động trong Ngành KTTV.

8. Tiếp tục thực hiện việc đổi mới công tác kế hoạch hóa và đổi mới quản lý kinh tế theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ VI và VII.

9. Cải thiện một bước đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên trong Ngành bằng các biện pháp thích hợp và có hiệu quả./.